

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018



Bỉm sơn, tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BỈM SƠN
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800232620
- Vốn điều lệ: 1.100.100.540.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.100.100.540.000 đồng
- Địa chỉ: Phường Ba Đình - Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại: (0237) 3.824.242
- Số fax: (0237) 3.824.046
- Website: <http://ximangbimson.com.vn>
- Mã cổ phiếu: BCC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Từ năm 1968 đến năm 1974 công trình xi măng Bỉm Sơn bắt đầu khảo sát, thăm dò địa chất và chính thức khởi công. Sau quá trình xây dựng nhà máy từ năm 1975 đến năm 1980 Chính phủ đã ra Quyết định số 334/BXD-TCCB ngày 04/03/1980 thành lập Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.

Nhà máy xi măng Bỉm Sơn có công suất thiết kế 1,2 triệu tấn sản phẩm/năm với trang thiết bị kỹ thuật công nghệ hiện đại của Liên Xô (cũ). Được trang bị hai dây chuyền với công nghệ theo phương pháp ướt, mỗi dây chuyền có công suất 0,6 triệu tấn/năm.

Ngày 22/12/1981, sau 2 năm thi công, dây chuyền số 1 của nhà máy chính thức đi vào hoạt động, và những bao xi măng đầu tiên mác P400 nhãn hiệu “Con voi” đã chính thức xuất xưởng.

Ngày 6/11/1983, dây chuyền số 2 được hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Từ năm 1982 đến 1985, các đơn vị tiếp tục xây lắp và hoàn chỉnh nhà máy.

Ngày 12/8/1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 366/BXD-TCLĐ hợp nhất Công ty kinh doanh Vật tư số 4 và Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, đổi tên thành Công ty xi măng Bỉm Sơn, là công ty nhà nước trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Tháng 3/1994, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo hiện đại hoá dây chuyền số 2 Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, chuyển đổi công nghệ ướt sang công nghệ khô hiện đại. Dự án được khởi công ngày 13/01/2001 do hãng IHI Nhật Bản trúng thầu nâng công suất lò nung số 2 từ 1.750 tấn Clinker/ngày lên 3.500 tấn Clinker/ngày.

Ngày 23/03/2006 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 486/QĐ-BXD chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty xi măng Bỉm Sơn thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam thành Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

Ngày 01/05/2006, Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn đã chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ 900 tỷ đồng; trong đó: vốn nhà nước chiếm 89,58% tương đương 806,223 tỷ đồng.

Ngày 20/09/2006, Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn bán đấu giá lần 2, tỷ lệ phần vốn nhà nước nắm giữ còn 74,04%, các cổ đông khác 25,96%.

Ngày 24/11/2006 Công ty đã chính thức được cấp giấy Niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm GDCK Hà Nội do UBCKNN cấp.

Ngày 01/03/2007, Công ty chuyển đổi mô hình tiêu thụ từ hình thức Đại lý hưởng hoa hồng sang hình thức Đại lý bao tiêu (Nhà phân phối chính); đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ của các Chi nhánh tại các tỉnh trước đây thành Văn phòng đại diện tại các tỉnh.

Ngày 07/11/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn, số lượng cổ phiếu chào bán là: 10.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Ngày phát hành (ngày chào bán cổ phiếu): ngày 7/12/2007;

Ngày kết thúc chào bán: ngày 31/12/2007;

Thời hạn đăng ký mua: từ ngày 7/12/2007 đến hết ngày 31/12/2007;

Kết quả chào bán cổ phiếu như sau:

- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu đã lưu ký : 4.445.897 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cổ đông hiện hữu chưa lưu ký: 6.795 cổ phiếu;
- Bán ưu đãi cho cán bộ công nhân viên trong Công ty: 1.215.500 cổ phiếu;
- Bán đấu giá: bằng không (vì lý do số lượng nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá không đủ số lượng theo quy định nên cuộc đấu giá bị hủy);

Ngày 31/12/2007, kết quả tiền thu được từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty là: 113.227.940.000 đồng (theo giá bán ưu đãi là 20.000 đồng/cổ phiếu) tương đương với số cổ phiếu tăng lên là 5.661.397 cổ phiếu;

Sau khi báo cáo kết quả phát hành chào bán cổ phiếu, vốn điều lệ Công ty tăng từ 900 tỷ đồng lên 956,6 tỷ đồng;

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt chào bán:

| Danh mục | ĐVT: 1.000 đồng | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------|-----------|
| Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam) | 699.720.620 | 73,146 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 256.893.350 | 26,854 |

Ngày 18/10/2016, Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, vốn điều lệ công ty tăng từ 956,6 tỷ đồng lên 1.100,1 tỷ đồng.

Cơ cấu vốn của tổ chức phát hành sau đợt phát hành:

| Danh mục | ĐVT: 1.000 đồng | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------|-----------|
| Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết (Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam) | 804.678.710 | 73,146 |
| Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết | 295.421.830 | 26,854 |

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

*** Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu xi măng, clinker.
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác.
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và các công trình kỹ thuật hạ tầng; Sản xuất bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn.
- Sửa chữa, trung tu, đại tu các loại ô tô, máy xúc, máy ủi, xe cẩu.
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập dự án, quản lý dự án.
- Gia công chế tạo các mặt hàng cơ khí, khai thác chế biến khoáng sản sản xuất xi măng, kinh doanh các loại phụ gia xi măng.
- Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp, kinh doanh bất động sản.

*** Địa bàn kinh doanh:**

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên những thị trường chủ yếu là Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nội, Hòa Bình, Sơn La, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Bình Định, Tây nguyên.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

*** Cơ cấu bộ máy quản lý**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của công ty bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành, 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt

động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã thông qua.

Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 09 Phòng ban chức năng:

- | | |
|--|-----------------------------|
| + Phòng Hành chính quản trị | + Phòng Kế hoạch chiến lược |
| + Phòng Vật tư và chuỗi cung ứng | + Phòng Tài chính kế toán |
| + Phòng Tổ chức và nguồn nhân lực | + Phòng Công nghệ thông tin |
| + Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai | + Phòng Thí nghiệm KCS |
| + Phòng Kỹ thuật an toàn môi trường và ISO | |

- 06 Phân xưởng

- | | |
|-------------------|---------------------|
| + Xưởng khai thác | + Xưởng Nguyên liệu |
| + Xưởng Bột liệu | + Xưởng Clinker |
| + Xưởng Xi măng | + Xưởng Sửa chữa |

- 01 Ban quản lý dự án

- 01 Xí nghiệp tiêu thụ

- 01 Chi nhánh Quảng Trị

- 01 Ban kiểm toán nội bộ

- 01 Khối Đảng Đoàn thể

* Các công ty con:

a. Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng Miền Trung

Tên công ty viết tắt: CRC,JSC.

b. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân Hy, Xã Bình Đông, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

c. Ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

d. Vốn điều lệ: 129.600.000.000 đồng, tương ứng 12.960.000 cổ phần.

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CRC là 9.953.280 cổ phần tương ứng 76,8%.

5. Định hướng phát triển

Môi trường kinh doanh 2019

* Kinh tế thế giới và trong nước:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,6 - 6,8%. CPI bình quân năm 2019 khoảng 4%. Vốn đầu tư toàn xã hội ước bằng 33 - 34% GDP.

* Xu hướng ngành xi măng

Tổng cung cả nước năm 2019 khoảng 100 triệu tấn. Trong đó dự báo nhu cầu nội địa khoảng 66 - 67 triệu tấn, xuất khẩu 20 - 25 triệu tấn.

Năm 2019, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất (xi măng Thành Thắng-Nghệ An ra sản phẩm, xi măng Long Sơn xây dựng dây chuyền 3...)

Từ những thách thức nêu trên để phát triển một cách bền vững Công ty đặt ra các mục tiêu phân đầu và thực hiện trong năm 2019 ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

a, Mục tiêu chủ yếu của Công ty

* Mục tiêu về sản xuất:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 |
|-------------------------|------------|------------------|
| Sản xuất Clinker | Tấn | 3.100.000 |
| Lò 2 | ” | 1.247.000 |
| Lò 3 | ” | 1.853.000 |

Ngoài việc xây dựng kế hoạch và tập trung nguồn lực nhằm từng bước khắc phục những tồn tại trong năm 2019, cần thực hiện một số hành động sau:

- + Tận dụng tối đa tài nguyên của mỏ đá sét, khai thác sét vàng tại mỏ Tam Diên.
- + Tập trung công tác điều chế phối liệu, đảm bảo chất lượng bột liệu cấp lò được ổn định, đảm bảo các hệ số chế tạo tối ưu theo điều kiện thực tế và mục tiêu chất lượng clinker.
- + Triển khai quyết liệt các biện pháp để tăng chất lượng clinker và giảm tiêu hao than, điện, giảm chi phí trong sản xuất.
- + Tiếp tục triển khai việc sử dụng Thạch cao có giá thành thấp, góp phần giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- + Tăng cường công tác sử dụng Phiến Sét đen + Đá vôi đen + Đá vôi sạch để điều chỉnh và ổn định màu sắc xi măng và kiểm soát độ lệch chuẩn xi măng mục tiêu R28 <1,5.
- + Đánh giá tổng thể, nút thắt dây chuyền công nghệ từ đó triển khai thực hiện cải tạo nâng cấp hệ thống cooler 2; Mua và thay thế vòi phun than lò 3; Cải tạo nâng cấp cân than lò 2... nhằm nâng năng lực sản xuất clinker của 2 lò.
- + Giao nhiệm vụ cụ thể về công tác tuần tra thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa cho các đơn vị chủ quản, để chủ động khắc phục, phát hiện sớm các nguy cơ sự cố để loại bỏ.
- + Nâng cao chất lượng công tác sửa chữa, hạn chế tối đa các sự cố gây dừng vật sau sửa chữa. Thống kê các nguyên nhân sự cố, thời gian xử lý sự cố nhằm đánh giá chất lượng công tác sửa chữa.
- + Kiểm soát chặt chẽ chi phí biến đổi và chi phí sửa chữa để giảm giá thành sản xuất các bán thành phẩm/thành phẩm.

* Mục tiêu về tiêu thụ:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 |
|----------------------|------------|------------------|
| Tổng tiêu thụ | Tấn | 4.400.000 |
| Xi măng | ” | 4.100.000 |
| Clinker | ” | 300.000 |

- Bám sát hệ thống nhà phân phối, đánh giá kết quả thực hiện của từng nhà phân phối để thúc đẩy các nhà phân phối thực hiện theo đúng sản lượng cam kết.

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường xi măng rời, cho các công trình, trạm trộn trên các địa bàn.

- Sắp xếp lại NPPC đồng thời tìm kiếm nhà phân phối có đầy đủ về năng lực tại Sơn La và Quảng Bình.

- Phối hợp cùng NPPC xây dựng cơ chế bán hàng cho các nhà xe/VLXD phù hợp với từng địa bàn, giảm thiểu sự cạnh tranh nội bộ từ đó gia tăng lợi nhuận trong hệ thống.

- Đề xuất và phối hợp để thực hiện tiêu thụ tại địa bàn Diễn Châu - Nghệ An.

- Tìm kiếm và ký hợp đồng với các đơn vị vận tải để đáp ứng đủ nguồn cung xi măng cho thị trường Quảng Bình và Quảng Ngãi.

- Ứng dụng công nghệ thông tin sâu rộng trong tiêu thụ. Chuẩn hóa số liệu bán hàng, theo dõi xuất hàng theo yêu cầu VICEM. Thực hiện quản lý xuất sản phẩm bằng thẻ từ.

- Xem xét, rà soát đội ngũ nhân viên thị trường. Đào tạo nhằm từng bước đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

* Mục tiêu tài chính:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2019 |
|-----------------|------------|-----------------|
| Doanh thu | Triệu đồng | 4.005.440 |
| Lợi nhuận | ” | 171.012 |
| Nộp NSNN | ” | 156.394 |
| EBITDA | ” | 524.411 |

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho các dự án, trả nợ, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp kiểm soát chặt chẽ ngân sách các đơn vị.

- Nâng cao quản lý công nợ, công tác tài chính nhằm giảm thiểu các rủi ro.

- Giảm vốn vay lưu động.

* Mục tiêu đầu tư:

- Giám sát, đôn đốc, phối hợp với nhà thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ dự án Nghiền xi măng tới đóng bao. Thời gian hoàn thành chạy thử toàn bộ dự án trước ngày 31/5/2019.

- Đẩy nhanh các thủ tục và tiến độ thực hiện kho nguyên liệu mới; chậm nhất hoàn thành xong dự án trong quý I/2020. Cải tại hệ thống DCS dây chuyền 2 theo hướng tiệm cận công nghệ smart factory.

* Mục tiêu tổ chức và nguồn nhân lực:

- Kiểm soát tốt hơn nữa các định mức kỹ thuật và chi phí sửa chữa.
- Tổ chức lại mô hình Ban QLDA theo định hướng của Tổng công ty.
- Bố trí lại đội ngũ cán bộ Trưởng/Phó đơn vị sau khi được đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ công tác (2016-2018).
- Rà soát, cân đối, bố trí lại lao động theo hướng tiếp tục giảm định biên lao động.
- Nghiên cứu, đề xuất xã hội hóa một số lĩnh vực nhằm tiết giảm chi phí, nguồn lực.
- Thực hiện chia lương mới gắn với chức danh và hiệu quả làm việc.
- Ưu tiên đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công nhân vận hành, thợ sửa chữa và bảo trì thiết bị; Đào tạo chuyển đổi nghề cho công nhân để bố trí lao động linh hoạt và hiệu quả; Khuyến khích đào tạo chuyển nghề từ thợ bậc cao.

** Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- Chiến lược thị trường:
 - + Đảm bảo lợi nhuận cho khách hàng, gia tăng giá trị tới khách hàng bằng các dịch vụ vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.
 - + Lập phương án Logistic, các phương án để điều phối có hiệu quả nhằm đảm bảo nguồn cung liên tục, đầy đủ cho khách hàng, đồng thời giảm chi phí vận tải.
 - + Tăng cường thu thập thông tin thị trường, rà soát lại các chính sách các phương án marketing cho từng phân khúc khách hàng để điều chỉnh việc giao sản lượng và động viên các NPP, hệ thống bán hàng thực hiện mục tiêu.
 - + Sắp xếp hệ thống phân phối (NPPC, CHVLXD). Tiếp tục rà soát và giao các chỉ tiêu theo mô hình BSC (từ mục tiêu sản lượng, thị phần, năng lực vận tải, năng lực quản lý, năng lực tài chính) cho hệ thống phân phối cụ thể và chặt chẽ hơn trên cơ sở có thưởng, phạt cụ thể, tạo niềm tin cho hệ thống phân phối.
 - + Rà soát thị trường, mở rộng độ phủ tới các vùng có thị phần thấp tại các địa bàn cốt lõi.
 - + Kiểm soát chặt chẽ thị trường tiêu thụ, kiện toàn và kiểm soát hệ thống phân phối, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên thị trường.
 - + Triển khai nghiên cứu, đánh giá chất lượng để sản xuất xi măng cho bê tông thương phẩm phù hợp với các công trình dân dụng, công nghiệp.
 - + Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh xuất khẩu xi măng cùng với Vicem.
 - + Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống, đội ngũ marketing, thương vụ, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khách hàng...
 - + Ứng dụng có hiệu quả nguồn lực công nghệ thông tin trong bán hàng và quản lý khách hàng POS/CRM.
- Tối ưu hóa trong hoạt động sản xuất:

- + Kiểm soát chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất lượng, nguồn gốc phụ gia tại các Trạm nghiền.
- + Tối ưu hóa công đoạn khai thác và vận chuyển nguyên liệu.
- + Kiểm soát tiêu hao năng lượng, nâng cao công tác quản lý và tiết kiệm xăng dầu.
- + Tối ưu phối liệu, vận hành sản xuất clinker nâng cao mức nền.
- + Xây dựng quy trình kiểm soát thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa. Giao nhiệm vụ cụ thể và gắn trách nhiệm cho từng đơn vị.
- + Nâng cao khả năng phối hợp nội bộ giữa các đơn vị.
- + Chuẩn hóa các quy trình thí nghiệm, phối liệu, vận hành nhằm mục tiêu là sản xuất Clinker có độ hoạt tính cao, tối ưu hóa tiêu hao điện năng và nhiệt năng.
- + Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa.

6. Các rủi ro

- Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2018 tăng trưởng cao hơn so với dự báo. Tuy nhiên một số xi măng mới tham gia thị trường đưa ra nhiều chính sách hấp dẫn để lôi kéo khách hàng. Đặc biệt là chính sách cạnh tranh bằng giá thấp nên làm giảm mặt bằng giá xi măng trên thị trường.

- Nguồn cung ứng than khó khăn, giá than tăng gần cuối năm 2018 đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản xuất.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a, Tổng quan

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP ước đạt vượt mức 7,08% vượt mục tiêu 6,7% đề ra.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân ước cả năm dưới 4%, là năm thứ 3 liên tiếp kiểm soát dưới 4%.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu cả năm ước đạt 475 tỷ USD, tăng 11,7%; trong đó xuất khẩu 238 tỷ USD, tăng 11,2% (mục tiêu 7 - 8%)
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước cả năm đạt 34% GDP. Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước giảm; tỷ trọng đầu tư ngoài nhà nước tăng, trong đó đầu tư tư nhân ước đạt 42,4%;
- Vốn FDI thực hiện ước cả năm đạt 18 tỷ USD cao nhất từ trước đến nay;
- Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Hạ tầng đô thị phát triển mạnh, tỷ lệ đô thị hóa ước 38,4%, đạt sớm hơn chỉ tiêu đề ra đến năm 2020 (38 - 40%).

(Nguồn: Báo cáo của chính phủ về Tình hình kinh tế xã hội năm 2018 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2019 tại Quốc hội Khóa XIV kỳ họp thứ 6)

b, Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh

- Tình hình tiêu thụ:

| Chỉ tiêu | TH Năm 2018 | KH Năm 2018 | TH Năm 2017 | So sánh TH 2018 | |
|----------|----------------|----------------|----------------|-----------------|---------|
| | | | | KH | cùng kỳ |
| Xi măng | 3.649.388 | 3.300.000 | 3.127.521 | 111% | 117% |
| Clinker | 727.870 | 700.000 | 860.624 | 104% | 85% |
| Tổng số | 4.377.258 | 4.000.000 | 3.988.145 | 109% | 110% |

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm năm 2018 tăng 377.258 tấn, tương đương tăng 9% so với kế hoạch, và tăng 521.867 tấn tương đương tăng 10% so với cùng kỳ, là do sản lượng xi măng tiêu thụ tăng.

- Tình hình sản xuất:

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2018 | KH 2018 | Thực hiện 2017 | % So sánh với | |
|------------------|-------------------|-----------|-------------------|---------------|---------|
| | | | | KH | Cùng kỳ |
| Clinker sản xuất | 3.036.598 | 2.980.000 | 2.794.926 | 102% | 109% |
| Lò 2 | 1.232.699 | 1.195.000 | 996.575 | 103% | 124% |
| Lò 3 | 1.803.899 | 1.785.000 | 1.798.351 | 101% | 100% |
| XM tại NM | | | | | |
| XM bột | 3.205.528 | 2.850.000 | 2.533.941 | 112% | 127% |
| XM bao | 2.171.614 | 2.210.000 | 1.706.801 | 98% | 127% |
| XM tại Q.Trị | | | | | |
| XM bột | 234.406 | 250.000 | 231.398 | 94% | 101% |
| XM bao | 208.771 | 235.000 | 211.566 | 89% | 99% |

Tổng sản lượng clinker sản xuất thực hiện 2018 tăng so với kế hoạch và cùng kỳ.

Tổng sản lượng nghiền tại Nhà máy cao hơn so với kế hoạch, còn sản lượng nghiền xi măng tại CN Quảng Trị chưa đạt so với kế hoạch.

- Tình hình tài chính:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Nội dung | Năm 2017 | Thực hiện 2018 | | % SS | |
|-----|--|-----------|----------------|-----------|-----------------|-------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ 2017 | Kế hoạch |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 3.475.367 | 3.405.967 | 3.680.581 | 105,9% | 108,1% |

| STT | Nội dung | Năm 2017 | Thực hiện 2018 | | % SS | |
|-----|--|-----------|----------------|-----------|--------------|----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | Cùng kỳ 2017 | Kế hoạch |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | | 2.075 | | |
| 3 | Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV | 3.475.367 | 3.405.967 | 3.678.506 | 105,8% | 108,0% |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 3.062.614 | 2.950.604 | 3.225.233 | 105,3% | 109,3% |
| 5 | LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 412.753 | 455.363 | 453.274 | 109,8% | 99,5% |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 265 | | 834 | 314,0% | 100,0% |
| 7 | Chi phí tài chính | 129.477 | 65.921 | 100.563 | 77,7% | 152,6% |
| 8 | Chi phí bán hàng | 168.443 | 143.317 | 124.929 | 74,2% | 87,2% |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 114.928 | 128.021 | 116.133 | 101,0% | 90,7% |
| 10 | Thu nhập khác | 9.871 | | 9.330 | 94,5% | 100,0% |
| 11 | Chi phí khác | 1.212 | | 2.507 | 206,9% | 100,0% |
| 12 | Lợi nhuận khác | 8.659 | - | 6.823 | 78,8% | 100,0% |
| 13 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 8.830 | 118.104 | 119.304 | 1351,2% | 101,0% |

Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 nhìn chung vượt so với kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Cơ cấu tổ chức của tổ chức niêm yết

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông trong kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát do Đại hội cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty.

- Tổ chức bộ máy quản lý của công ty bao gồm: Tổng giám đốc điều hành, 01 Phó Tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng; là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản

xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã thông qua.

2.2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

a, Ông Bùi Hồng Minh

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng công ty CN xi măng Việt Nam

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/10/1971

Quê quán: Hà Bình, Hà Trung, Thanh Hoá

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 012269796

Địa chỉ thường trú: BT5, 262 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1992 đến 09/1995: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Công ty xi măng Hà Tiên 2.

- Từ 10/1995 - 12/1999: Chuyên viên Tài chính Kế toán - Phòng Kế toán Thống kê Tài chính, Tổng công ty xi măng Việt Nam.

- Từ 01/2000 - 03/2001: Phó phòng Kế toán Thống kê Tài chính - Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 04/2001 - 14/02/2002: Trưởng phòng KTTKTC - Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 15/02/2002 - 04/2006: Kế toán trưởng Công ty xi măng Bút Sơn

- Từ 05/2006 - 03/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn.

- Từ 04/2007 - 05/2008: Giám đốc Ban chuẩn bị thành lập Công ty tài chính - Tổng công ty xi măng Việt Nam.

- Từ 05/2008 - 01/09/2011: Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Tài chính cổ phần xi măng.

- Từ 01/09/2011 đến 24/12/2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bím Sơn,

- Từ 01/09/2011 đến 14/02/2014 : Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần xi măng Bím Sơn

- Từ 18/04/2012 đến 23/4/2018: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bím Sơn

- Từ 24/12/2013 đến 20/9/2017: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam.

- Từ 23/8/2017 đến ngày 23/4/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bím Sơn.

- Từ 21/9/2017 đến nay: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bím Sơn.

b, Ông Lê Xuân Khôi

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP xi măng Bím Sơn.

Giới tính: Nam
Sinh ngày: 20/4/1972
Quê quán: Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 011989282
Địa chỉ thường trú: Số 9 lô 2C Khu đô thị Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp và xây dựng cơ bản.
Đại diện phần vốn Nhà nước: 26.827.871 CP, tương đương 24,39% vốn điều lệ.

*** Quá trình công tác:**

- Từ 8/1995 đến 06/2006: Chuyên viên Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ năm 2005 đến năm 2006: Phó Bí thư Chi bộ Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng.
- Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2014: Phó phòng Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ tháng 6/2011 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần VICEM đô thị xi măng Hải Phòng
- Từ tháng 9/2013 đến nay: Bí thư Chi bộ Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM
- Từ tháng 11/2014 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Đảng bộ Khối văn phòng VICEM
- Từ tháng 01/2015 đến nay: Trưởng phòng Phòng Quản lý Đầu tư xây dựng VICEM.
- Từ tháng 4/2015 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 12.
- Từ tháng 8/2015 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đảng bộ VICEM nhiệm kỳ 2015-2020.
- Từ tháng 9/2017 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VICEM xi măng Sông Thao.
- Từ 23/4/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Bim Sơn.

c, Ông Ngô Sỹ Túc

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 14/01/1959
Quê quán: Xã Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá.
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 171597830
Địa chỉ thường trú: Đường Chu Văn An, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 13.410.575 tương đương 12,19% vốn điều lệ.
Trong đó:

Đại diện phần vốn Tổng công ty CN xi măng Việt Nam: 13.410.000 CP, tương đương 12,19%

Cá nhân sở hữu: 575 cp

* Quá trình công tác:

- Từ 01/1984 đến 02/1999: Sau khi tốt nghiệp Đại học ở Hungary vào nhận công tác tại Công ty xi măng Bỉm Sơn - làm Kỹ thuật viên.
- Từ 03/1999 đến 06/2003: Kỹ thuật viên Ban Quản lý dự án xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 07/2003 đến 05/2004: Phó phòng Cơ khí Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 06/2004 đến 05/2005: Phó phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 06/2005 đến 10/2005: Biệt phái tại Dự án xi măng Hải Phòng.
- Từ 11/2005 đến 09/2006: Phó phòng Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 10/2006 đến 20/01/2010: Phó Giám đốc Ban QLDA xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 20/01/2010 đến 23/12/2013: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bỉm Sơn, kiêm Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 18/04/2012 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 01/5/2018 đến 31/12/2018: Quyền Bí thư Đảng ủy, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 24/12/2013 đến 03/8/2018: Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 04/8/2018: thôi chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

d, Ông Vũ Văn Hoan

Chức vụ hiện tại:

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/04/1958

Quê quán: Xã Nghĩa Phú, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 171891316

Địa chỉ thường trú: Phường Ba Đình, TX Bỉm Sơn, Thanh Hoá

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

* Quá trình công tác:

- Từ 09/1981 đến 04/1983: Kỹ sư, Nhà máy gạch Bỉm Sơn.
- Từ 05/1983 đến 12/1986: Cán bộ định mức, Nhà máy xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 01/1987 đến 05/1990: Phó phòng CU' VTTB Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 05/1990 đến 02/1999: Phó phòng TCLĐ Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 03/1999 đến 06/2004: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch, Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 07/2004 đến 04/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 05/2006 đến 08/2006: Phó Giám đốc ban quản lý dự án, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 09/2006 đến 4/2008: Phó Giám đốc công ty, Giám đốc ban quản lý dự án dây chuyền mới nhà máy XM Bim Sơn.
- Từ 04/2008 đến 30/4/2018: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 14/02/2014 đến 30/4/2018: Bí thư Đảng ủy Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 1/5/2018: Nghỉ hưu.

e, Ông Nguyễn Thế Lập

Chức vụ hiện tại: Trưởng Phòng Luật pháp & QHCD - Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/12/1958

Quê quán: Thụy Phương - Từ Liêm - Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 012500364

Địa chỉ thường trú: SN 1A - Ngõ 176 - Phố Lê Trọng Tấn Thanh Xuân - Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác Mỏ lộ thiên - Cử nhân luật - Tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị QG Hồ Chí Minh

* Quá trình công tác:

- Từ 1976 - 1981: Học Đại học tại Trường Đại học Mỏ địa chất - Phổ yên - Bắc Thái
- Từ 1982 - 2000: Công tác tại Công ty Xi măng Kiên Lương, Hà Tiên, Kiên Giang (Nay là nhà máy xi măng Kiên Lương thuộc Công ty CP VICEM Hà Tiên 1)
 - + Từ 1982 - 1984 Là Kỹ thuật viên
 - + Từ 1984 - 1990 Là Phó quản đốc Phân xưởng Khai thác Đá
 - + Từ 1990 - 1998 Là Quản đốc Phân xưởng Khai thác Đá
 - + Từ 1998 - 2000 Là Phó Giám đốc Công ty xi măng Hà Tiên 2
- Từ tháng 02/2000 - 05/2010: Là Phó Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu xi măng
- Từ tháng 05/2010 - 08/2011: Là Phó Phòng Luật Pháp & QHCD VICEM
- Từ tháng 08/2011 đến 23/4/2018: Trưởng phòng Luật pháp & QHCD VICEM.
- Từ 21/4/2015 đến 23/4/2018: Thành viên HĐQT, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty CP xi măng Bim Sơn.

f, Ông Nguyễn Hoàn Vân

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/11/1963

Quê quán: Xã Hoằng Quý - Huyện Hoằng Hóa - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171704076

Địa chỉ thường trú: SN50 Đội Cung, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 13.447.320 CP chiếm 12,22% vốn điều lệ.

Trong đó:

Đại diện phần vốn Tổng công ty CN xi măng Việt Nam: 13.410.000 cp, tương đương 24,39% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 37.320 cp

* Quá trình công tác:

- Từ 03/1983 - 03/1986: Bộ đội - C4-D2 - Lữ đoàn 144 - Bộ Tổng Tham mưu.

- Từ 03/1986 - 09/1995: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hóa.

- Từ 09/1995 đến 03/1997: CV Ban TCHC Trung tâm giao dịch tiêu thụ - Công ty xi măng Bim Sơn, nay là Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

+ Từ 04/1997 - 09/1999: Trưởng ban TCHC Trung tâm giao dịch tiêu thụ.

+ Từ 10/1999 - 06/2007: Giám đốc chi nhánh Công ty xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.

+ Từ 06/2007 - 12/2011: Trưởng Trung tâm giao dịch tiêu thụ.

+ Từ 01/2012 đến 18/12/2017: Giám đốc chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn - Xi nghiệp tiêu thụ.

+ Từ 19/12/2017: Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Bim Sơn.

+ Từ 23/4/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP xi măng Bim Sơn.

+ Từ 04/8/2018 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Bim Sơn.

g, Ông Vũ Thế Hà

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/6/1971

Quê quán: Xã Nga Thiện - Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 168281867

Địa chỉ thường trú: Số nhà 6, ngõ 211, Đường Trường Chinh, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Nhiệt.

Đại diện phần vốn Vicem: 13.410.000 CP, tương đương 12,19% vốn điều lệ.

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1988 đến 6/1993: Sinh viên trường Đại học Bách Khoa

- Từ 1997 đến 1999: Cán bộ kỹ thuật Phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn
- Từ 1999 đến 2001: Trưởng ca sản xuất Phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn.
- Từ 2001 đến 7/2012: Phó phòng Điều hành Trung tâm - Công ty xi măng Bút Sơn.
- + Từ 2010 đến 2011: Điều động biệt phái sang Ban quản lý Dự án xi măng Bút Sơn 2 kiêm nhiệm Tổ phó Tổ sản xuất thử.
- + Từ 2011 đến 7/2012: Điều động biệt phái sang Xí nghiệp Tiêu thụ - Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn, kiêm nhiệm Phó phòng Kế hoạch Thị trường, Xí nghiệp Tiêu thụ xi măng Bút Sơn.
- Từ 08/2012 đến 3/2016: Thư ký Hội đồng thành viên - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.
- + Từ 5/2014 đến 03/2016: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn và Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.
- Từ 03/2016 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 23/4/2018: Bổ nhiệm thành viên HĐQT

h, Ông Nguyễn Minh Đức

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 12/3/1980

Quê quán: 5-A3, Thủ Lệ 2, Ngọc Khánh, Ba Đình, TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 168281867

Địa chỉ thường trú: 814/6 đường Láng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần đại diện Vicem: 13.410.000, chiếm 12,19% vốn điều lệ.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 6/2007 đến tháng 4/2010: Chuyên viên Phòng Dự án, Công ty XNK xi măng.
- Từ năm 5/2010 đến nay: Chuyên viên Phòng Thanh tra Phòng chống tham nhũng VICEM.
- Từ 23/4/2018: Bổ nhiệm thành viên HĐQT, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

i, Ông Lê Huy Quân

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1965

Quê quán: Xã Tân Ninh - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Chứng minh thư số: 171135837

Địa chỉ thường trú: Phường Ngọc Trạo - Thị Xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

* Quá trình công tác:

- Từ 06/1983 đến 02/1984: Công nhân tiếp nhận Nhà máy xi măng.
- Từ 1984 đến 1985: Học trung cấp kế toán, chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường trung học xây dựng số 1 Thanh Hóa.
- Từ 1987 đến 1992: Học đại học tại chức chuyên ngành kinh tế công nghiệp - Trường đại học bách khoa Hà Nội.
- Từ 03/1984 đến 10/1993: Kế toán Xí nghiệp vật tư xây dựng số 405.
- Từ 11/1993 đến 11/2006: Kế toán Công ty xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 08/1998 đến 09/1999: Học bồi dưỡng Kế toán Trưởng.
- Từ 2003 đến 2005: Học trung cấp lý luận chính trị - Trường chính trị tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 08/2003 đến 11/2007: Học đại học tại chức, chuyên ngành Kế toán - Trường Đại học Thương mại Hà Nội.
- Từ 09/2007 đến 09/2009: Học Thạc sỹ chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh - Trường đại học HELP.
- Từ 12/2006 đến 01/2012: Phó phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 02/2012 đến 07/2012: Phụ trách phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 08/2012 đến 28/5/2015: Trưởng phòng kế toán - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 28/5/2015 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn.

k, Ông Nguyễn Chí Thức

Chức vụ hiện tại: Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty

Trưởng phòng Phòng KT&NCTK

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/5/1980

Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số: 038080003315

Địa chỉ thường trú: Khu phố 7, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ vật liệu Silicat

* Quá trình công tác:

- Từ 11/2004 đến 11/2006: Nhân viên phòng Điều hành sản xuất – Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 12/2006 đến 6/2010: Nhân viên phòng Kỹ thuật – Ban quản lý dự án – Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.
- Từ 6/2010 đến 10/2012: Nhân viên phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP XM Bỉm Sơn.
- Từ 10/2012 đến 3/2014: Phó phòng Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP XM Bỉm Sơn.

- Từ 12/2014 đến 12/2015: Bí thư chi bộ Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 4/2015 đến 12/2015: Phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 6/2015 đến nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Đảng bộ Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 1/2016 đến 9/10/2018: Phó Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ tháng 11/2017 đến nay: Phó Bí thư chi bộ Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 22/5/2018 đến nay: Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty.
- Từ 10/10/2018 đến nay: Trưởng phòng Phòng Kỹ thuật và nghiên cứu triển khai Công ty CP xi măng Bim Sơn.

2.3. Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

a, Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

Chức vụ hiện tại:

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/02/1975

Quê quán: Xã Nga Hải - Huyện Nga Sơn – Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 168304888

Địa chỉ thường trú: P.601 - 17T1- CC Hapulico Số 1, Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Thạc sỹ Kinh tế

* Quá trình công tác:

- Từ 10/1997 đến 04/2003: Chuyên viên Phòng Kế toán, Công ty xi măng Hà tiên 2, Kiên lương, Kiên Giang
- Từ 05/2003 đến 09/2014: PP Kế toán, Công ty cổ phần xi măng Bút Sơn, Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam.
- Từ 09/2014 đến 16/7/2017: PP Kế toán Tổng công ty CN xi măng Việt Nam.
- Từ 16/7/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty xi măng Vicem Hoàng thạch.
- Từ 15/4/2016 đến 23/4/2018: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

b, Ông Lê Hữu Phăng

Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1963

Quê quán: Xã Đông Tiến, Huyện Đông Sơn, Tỉnh T. Hóa

Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 038063003680
Địa chỉ thường trú: Tổ 6, Khu phố 5. P. Ba Đình - TX Bim Sơn - Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Số cổ phần nắm giữ: 575 CP, chiếm 0,00052% vốn điều lệ.

*** Quá trình công tác:**

- Từ 01/10/1982 đến 05/11/1985: Công nhân, Xưởng Đóng bao, Nhà máy XMBS.
- Từ 05/11/1985 đến 03/10/1988: Sinh viên, Trường Trung học xây dựng số 1 - BXD.
- Từ 04/10/1988 đến 31/12/2013: Nhân viên, P. TCKT, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/01/2014 đến 01/08/2018: Tổ trưởng P. TCKT, Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

c, Ông Hà Văn Diên

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 02/12/1961
Quê quán: Hoằng Trinh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND số: 171494163
Địa chỉ thường trú: SN 176, Trần Phú, Phường Lam Sơn, TX. Bim Sơn, Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính.

*** Quá trình công tác:**

- Từ 03/1979 đến 10/1983: Quân nhân QĐND Việt Nam.
- Từ 11/1983 đến 11/1991: NV Kế toán XN Vật tư XD số 405 - Xí nghiệp CU xi măng.
- Từ 12/1991 đến 12/1998: NV Kế toán Trung tâm GD tiêu thụ - Công ty XM Bim Sơn (Từ 1991 đến 1995: Học tại chức Trường Đại học Tài chính Kế toán).
- Từ 01/1999 đến 11/7/2004: Trưởng ban Kế toán Chi nhánh Công ty CP xi măng Bim Sơn tại Thanh Hóa.
- Từ 12/7/2004 đến 28/2/2006: NV Kế toán Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 01/03/2006 đến nay: Phó phòng Kế toán Tài chính Ban QLDA - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 26/04/2011 đến 23/4/2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

d, Ông Nguyễn Đức Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty CP xi măng Bim Sơn
Giới tính: Nam
Sinh ngày: 23/03/1983
Quê quán: Nga Hưng - Nga Sơn - Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 172043999

Địa chỉ thường trú: SN 26, Đường Lê Lợi, Khu 2, Lam Sơn, TX.Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Kế toán Tài chính.

* Quá trình công tác:

- Từ 2002 - 2006: Sinh viên, Chuyên ngành Kế toán tổng hợp, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.

- Từ Tháng 10/2006 - Tháng 05/2013: Công tác tại Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn

+ Từ 2006 - 2011: Kế toán tổng hợp - Phòng KT-TK-TC, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn.

+ Từ 2012 - Tháng 5/2013 Trưởng phòng Kế toán - Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn.

+ Từ 15/05/2013 - 06/06/2013: Phó phòng KT-TK-TC, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 06/06/2013 - Tháng 11/2013: Trưởng phòng Kế toán, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung.

- Từ tháng 12/2013 đến nay: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 21/4/2015 đến 23/4/2018: Thành viên Ban Kiểm Soát, Công ty CP Xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 23/4/2018: Miễn nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

e, Bà Tào Thị Nga

Chức vụ hiện tại: Trưởng phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp tiêu thụ - Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/04/1986

Quê quán: Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 172642747

Địa chỉ thường trú: SN 18, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đông Sơn, Bỉm Sơn, Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ tháng 9/2010 đến tháng 01/2013: Chuyên viên, Phòng kế toán thống kê tài chính - Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

- Từ năm 2013 đến năm 2014: Phó phòng, phụ trách phòng Tài chính kế toán, Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng phòng Tài chính kế toán, Xí nghiệp tiêu thụ, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

- Từ 23/4/2018: Bổ nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bỉm Sơn.

f, Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP xi măng Bỉm Sơn

Giới tính: Nữ
 Sinh ngày: 20/10/1975
 Quê quán: An Lễ, Quỳnh Phụ, Thái Bình
 Quốc tịch: Việt Nam
 CMTND số: 197107013
 Địa chỉ thường trú: KP2, Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

* Quá trình công tác:

- Từ năm 1997 đến năm 2003: Kế toán - Công ty Thạch cao xi măng - Chi nhánh Quảng Trị
- Từ năm 2003 đến năm 2011: Kế toán, Công ty Thạch cao xi măng - Ban quản lý dự án Trạm nghiên cứu Quảng Trị.
- Từ 16/06/2011 đến nay: Trưởng ban kế toán – Chi nhánh Quảng Trị - Công ty CP xi măng Bim Sơn.
- Từ 23/4/2018: Bổ nhiệm Thành viên ban Kiểm soát, Công ty CP xi măng Bim Sơn.

2.4. Thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 23/4/2018:

+ Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

| STT | Họ tên | Chức danh |
|-----|-----------------|---------------------------------|
| 1 | Trần Việt Thắng | Nguyên Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Bùi Hồng Minh | Chủ tịch HĐQT từ ngày 23/8/2017 |
| 3 | Nguyễn Thế Lập | Thành viên HĐQT |
| 4 | Vũ Văn Hoan | Thành viên HĐQT |

+ Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

| STT | Họ tên | Chức danh |
|-----|------------------|----------------------|
| 1 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Trưởng ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Đức Sơn | Thành viên BKS |
| 3 | Hà Văn Diên | Thành viên BKS |

+ Bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

| STT | Họ tên | Chức danh |
|-----|------------------|-----------------|
| 1 | Lê Xuân Khôi | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Vũ Thế Hà | Thành viên HĐQT |
| 3 | Nguyễn Hoàng Vân | Thành viên HĐQT |
| 4 | Nguyễn Minh Đức | Thành viên HĐQT |

+ Bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

| STT | Họ tên | Chức danh |
|-----|------------------------|----------------------|
| 1 | Lê Hữu Phăng | Trưởng ban kiểm soát |
| 2 | Tào Thị Nga | Thành viên BKS |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh Hương | Thành viên BKS |

- Ngày 4/8/2018:

Ông Ngô Sỹ Túc thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2018.

Bổ nhiệm ông Nguyễn Hoàn Vân – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn - Xí nghiệp tiêu thụ; giữ chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2018.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a, Tình hình lao động:

Tổng số CBCNV của công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018: 1.488 người.

b, Chính sách đối với người lao động:

- Phối hợp với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam xây dựng và hoàn thiện hệ thống thang bảng lương & KPI của Công ty.

- Điều chỉnh tạm thời cơ cấu tổ chức các đơn vị đảm bảo sát với tình hình sản xuất hiện nay. Đặc biệt công tác tổ chức lại mô hình sửa chữa, đồng thời bố trí lại đội ngũ cán bộ, KTV theo mô hình mới. Cụ thể, xưởng Sửa chữa là đơn vị dịch vụ sửa chữa, không phải đơn vị chủ trì công tác sửa chữa như trước đây.

- Xã hội hóa công tác bảo vệ xưởng Khai thác.

- Tổ chức lại công tác tiếp nhận, quản lý sử dụng vỏ bao tại xưởng Xi măng.

- Thực hiện đào tạo năm 2018 là: 3,3 tỷ đồng; Thực hiện đào tạo nâng bậc, nghề mới; huấn luyện ATLĐ, PCCN, ATVSTP và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV.

- Quỹ lương thực hiện năm 2018 là: 252,926 tỷ đồng; ăn ca 12,43 tỷ đồng; độc hại 4,55 tỷ đồng.

- Thực hiện ủng hộ người về hưu sớm là 660 triệu đồng.

- Bình quân thu nhập năm 2018: 13,98 triệu đồng/người/tháng (không tính ăn ca, độc hại và tiền ủng hộ).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Giá trị thực hiện khối lượng là 184,9 tỷ đồng, bằng 81% kế hoạch; chủ yếu là của Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiên xi măng đến đóng bao là 168,4 tỷ đồng;

- Giá trị thanh toán là 170,7 tỷ đồng, bằng 99% kế hoạch; chủ yếu là của Dự án chuyển đổi công nghệ hệ thống nghiên xi măng đến đóng bao là 161,78 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đvt: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 4.709 | 4.421 | -6% |
| Doanh thu thuần | 3.475 | 3.679 | 6% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 0,17 | 112,48 | 65796% |
| Lợi nhuận khác | 8,66 | 6,82 | -21% |
| Lợi nhuận trước thuế | 8,83 | 119,30 | 1251% |
| Lợi nhuận sau thuế | 4,98 | 95,29 | 1814% |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | 2017 | 2018 |
|--|--------|------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | |
| <input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán ngắn hạn: | 0,49 | 0,45 |
| <input type="checkbox"/> Hệ số thanh toán nhanh: | 0,15 | 0,14 |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,61 | 0,57 |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,58 | 1,31 |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | |
| <input type="checkbox"/> Vòng quay hàng tồn kho: | 5,16 | 6,06 |
| <input type="checkbox"/> Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,74 | 0,83 |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,14% | 2,6% |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,27% | 5,0% |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,11% | 2,2% |
| <input type="checkbox"/> Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,005% | 3,1% |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 110.010.054 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

- Nhà nước: 80.467.871 cổ phần, chiếm 73,146%.
- Cá nhân và các tổ chức khác: 29.542.183 cổ phần, chiếm 26,854%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Quản lý nguồn năng lượng

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

| STT | Nguyên vật liệu | ĐVT | Khối lượng |
|-----|--|-----|------------|
| I | Sản lượng clinker sản xuất | Tấn | 3.036.598 |
| 1 | Đá vôi sử dụng | Tấn | 3.634.999 |
| 2 | Đất sét sử dụng | Tấn | 802.765 |
| 3 | Đất giàu silic (tự khai thác) | Tấn | 175.229 |
| 4 | Đất giàu sắt | Tấn | 110.569 |
| 5 | Vật liệu chịu lửa | | |
| | Gạch kiềm tính | Kg | 982.176 |
| | Gạch Alumin | Kg | 573.984 |
| | Bê tông chịu nhiệt | Kg | 422.432 |
| II | Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất xi măng | Tấn | 3.205.528 |
| 1 | Clinker sử dụng | Tấn | 2.463.744 |
| 2 | Thạch cao sử dụng | Tấn | 167.429 |
| 3 | Đá bazan sử dụng | Tấn | 297.950 |
| 4 | Xi nhiệt điện | Tấn | 2.446 |
| 5 | Đá vôi sử dụng | Tấn | 110.696 |
| 6 | Đá sét sử dụng | Tấn | 48.518 |
| 7 | Đá vôi đen sử dụng | Tấn | 96.095 |

| STT | Nguyên vật liệu | ĐVT | Khối lượng |
|-----|-----------------|-----|------------|
| 8 | Tro bay sử dụng | Tấn | 30.353 |

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

| STT | Nội dung | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----|-------------|---|
| 1 | Nhiên liệu, năng lượng | kWh | 306.195.437 | |
| 1.1 | Điện năng (Kwh) | kWh | 306.195.437 | |
| 2 | Than cám (Tấn) | Tấn | 420.157 | |
| 2.1 | Than cám 3c.1 | Tấn | 95.565 | Nung Clinker |
| 2.2 | Than cám 4a.1 | Tấn | 324.591 | Nung Clinker |
| 3 | Xăng, dầu | Lít | 2.088.491 | |
| 3.1 | Dầu diesel (lít) | Lít | 2.088.491 | Dầu khai thác, vận chuyển đá sét, vận chuyển nội bộ, dầu sấy-đốt lò |

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

| Giải pháp TKNL áp dụng | Loại Nhiên liệu | Mục đích của giải pháp | Kết quả | Tiết kiệm chi phí (Triệu đồng) | Ghi chú |
|---|-----------------|---|--|--|--|
| Tăng cường quá trình quản lý, kiểm soát vận hành công đoạn lò nung. | Than cám | Tiết kiệm nhiên liệu than. | Mức tiết kiệm NL: 6,5 kcal/kg Clinker | Tương đương với 2.900 tấn than 3c HG (nhiệt trị than 3c trung bình năm 2018 là 6.807 kcal/kg than) Tiết kiệm chi phí 7.526 (Tr. đồng) | Định mức giao: 835 kcal/kg clinker Thực hiện 2018: 828,12 kcal/kg clinker |
| Duy trì lò nung hoạt động ổn định, chạy lò dài ngày | Dầu DO | Tiết kiệm nhiên liệu đốt lò | Mức tiết kiệm NL: 0,72 kcal/kg Clinker | Tương đương với 217.963 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 3.559 (Tr. đồng) | Định mức giao: 2 kcal/kg clinker Thực hiện 2018: 1,28 kcal/kg clinker |
| Tăng cường công tác quản lý định mức, kiểm soát quá trình khai thác vận chuyển đá vôi | Dầu DO | Tiết kiệm nhiên liệu cho phân đoạn khai thác vận chuyển | Phân đoạn khai thác thực hiện 0,063 lít/tấn đá vôi/định mức: 0,084 Phân đoạn khai thác thực hiện 0,382 lít/tấn đá vôi/định mức: 0,408 | Tương đương với 106.066 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 1.732 (Tr. đồng) | |
| Tăng cường công tác quản lý định mức, kiểm soát quá trình khai thác vận chuyển đá sét | Dầu DO | Tiết kiệm nhiên liệu cho phân đoạn khai thác vận chuyển | Phân đoạn khai thác thực hiện 0,040 lít/tấn đá sét/định mức: 0,058 Phân đoạn khai thác thực hiện 0,362 lít/tấn đá sét/định mức: 0,472 | Tương đương với 130.916 lít dầu DO. Tiết kiệm chi phí 2.138 (Tr. đồng) | |
| Vận hành các thiết bị tránh giờ cao điểm, đồng thời vẫn đạt và vượt công suất thiết | kWh | Tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm | Mức tiết kiệm NL: 1,91 (%) | Tiết kiệm chi phí 8.803 (Tr. đồng)/năm | Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện. |

| Giải pháp TKNL áp dụng | Loại Nhiên liệu | Mục đích của giải pháp | Kết quả | Tiết kiệm chi phí (Triệu đồng) | Ghi chú |
|---|-----------------|---|---|---------------------------------------|--|
| kế | | | | | |
| Áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật, thiết bị tiết kiệm năng lượng và hiệu quả trong lĩnh vực chiếu sáng Công ty. | kWh | Tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm | Mức tiết kiệm NL: 61.197kWh Mức tiết kiệm NL: 3(%) | Tiết kiệm chi phí : 90 (Tr. đồng)/năm | - Thay thế dần các bóng đèn công suất lớn bằng bóng đèn tiết kiệm điện; Bảo dưỡng các bộ đèn. - Sử dụng thiết bị đóng cắt tự động - Tăng cường chiếu sáng tự nhiên |

Phong trào Sáng kiến cải tiến kỹ thuật được phát huy và mang lại giá trị tiết kiệm cho công ty như sau: Tổng số sáng kiến: 31 sáng kiến, giá trị làm lợi tiết kiệm 2,4 tỷ đồng. Trong đó, điển hình có một số sáng kiến mang lại giá trị làm lợi tương đối lớn như:

| Tên SK | Tình trạng trước khi thực hiện SK | Tình trạng sau khi thực hiện | Thời gian và phạm vi áp dụng | Tiền làm lợi tính được (đ/năm) |
|--|---|--|------------------------------|--------------------------------|
| Cải tạo hệ thống nước làm mát tuần hoàn CT55 | - Hệ thống làm mát nước tuần hoàn của Công ty ở trạm CT55 hoạt động trên 30 năm đã hư hỏng nghiêm trọng: Các dàn chia nước bằng gỗ, pep phun mưa, ống dẫn... bị gãy, sập. - Quá trình làm mát hiện nay là làm mát cưỡng bức, sử dụng bơm nước, quạt làm mát, giàn mưa nên trong quá trình hoạt động sẽ tiêu tốn điện năng để vận hành. | Giải pháp: Cải tạo lại các hệ thống như tháp mưa, bể lắng, đường ống... để làm mát tự nhiên mà không phải sử dụng phương pháp làm mát cưỡng bức: - Tháo bỏ các tấm gỗ chia nước bị sập, đường ống vfa phụ kiện hỏng ra ngoài, tạo mặt thoáng cho các dàn phun mưa. - Tận dụng các đường ống D100 (coss +12m), khoan lỗ 5-6mm hai bên thành ống để phun mưa từ độ cao 12m. - Đầu nối các đường ống vào và ra, van điều chỉnh để hoàn thiện hệ thống. Kết quả: Do hệ thống làm mát tự nhiên, không phải sử dụng đến bơm, quạt làm mát nên tiết kiệm điện năng trong quá trình hoạt động. | 21/08 /2016 | 871.26 2.800 |
| Thiết kế lắp đặt bộ lọc | - Hệ thống nước làm mát của máy Xray 9800 được tuần hoàn liên tục và luôn duy trì ở nhiệt độ từ 17°C đến 20°C trước khi | Giải pháp: Thiết kế, lắp đặt bổ sung “Bộ lọc tinh” đặt trước khi hòa mạng hệ thống nước làm mát ngoài vào | 20/12 /2017 | 335.00 0.000 |

| Tên SK | Tình trạng trước khi thực hiện SK | Tình trạng sau khi thực hiện | Thời gian và phạm vi áp dụng | Tiền làm lợi tính được (đ/năm) |
|---|---|---|------------------------------|--------------------------------|
| tinh hệ thống máy làm mát nước cấp cho máy X ray 9800 | <p>vào làm mát cho ống phát tia X và hệ thống máy phân tích Xray.</p> <p>- Do quá trình làm việc liên tục từ năm 2003 đến nay, giàn lạnh đặt trong môi trường nước nên các cánh tản nhiệt làm bằng vật liệu Nhôm bị Oxy hóa dẫn đến giàn lạnh bị han rỉ, trong quá trình làm việc các cặn han rỉ theo đường nước làm mát vào hệ thống làm tắc van phao gây sự cố dừng máy phân tích Xray.</p> <p>Để khắc phục sự cố này cần phải đặt hàng và mua máy làm mát nước của hệ thống Xray (nguyên chiếc) của Hãng ARL, thời gian ít nhất phải mất 2 tháng đến 3 tháng, đồng thời giá thành rất cao.</p> | <p>trong hệ thống máy Xray 9800.</p> <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian khắc phục sự cố: Thực hiện trong vòng 7 ngày. Đáp ứng kịp thời sản xuất. - Giảm chi phí xử lý, khắc phục sự cố | | |
| Cải tạo hệ thống điều khiển các cân bằng Hasler dây chuyền 2: một trạm điều khiển 4 cân | <p>Hệ thống cân Bột liệu 2 bao gồm hai trạm cân, một trạm điều khiển 3 cân đá, một trạm điều khiển 3 cân: sét, xỉ sắt. Các thiết bị của hệ thống cân được hãng Hasler sản xuất, version đã quá cũ, không còn hỗ trợ sửa chữa hay dự phòng thiết bị. Do đó gây khó khăn và tiềm ẩn rủi ro cho hệ thống cân.</p> <p>- Tháng 5/2017 hệ thống cân Bột liệu 2 xảy ra sự cố hỏng module Board CPU 2506.7201 và hỏng cả chip EFROM cắm trên bảng mạch CPU của trạm điều khiển các cân đá. Trong khi đó dự phòng thiết bị của công ty lại không có chip EFROM.</p> <p>- Trạm cân đá hỏng CPU dẫn đến cả trạm không thể hoạt động, hệ thống điều khiển cân bằng nguyên liệu dây chuyền 2</p> | <p>Giải pháp: Thực hiện cấu hình, đấu nối lại phần cứng đưa 4 cân đá, sét, silic, sắt về cùng một hệ thống sử dụng một CPU, các bước thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấu nối lại mạng CAN Bus đưa mạng 6 cân về mạng CAN bus 4 cân, cấu hình lại địa chỉ mạng - Đấu nối lại cáp điều khiển 4 cân về cùng CPU tại tủ trạm - Sửa đổi lại phần mềm điều khiển, cài đặt các tham số chính như địa chỉ, năng suất, tốc độ, tỷ số truyền, v.v... <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa máy nghiền liệu 2 vào hoạt động trở lại - Sử dụng ít thiết bị hơn, có thêm nhiều thiết bị dự phòng trong điều kiện không mua mới được. | T05/2017 | 194.60 8.498 |

| Tên SK | Tình trạng trước khi thực hiện SK | Tình trạng sau khi thực hiện | Thời gian và phạm vi áp dụng | Tiền làm lợi tính được (đ/năm) |
|--|--|---|------------------------------|--------------------------------|
| | <p>chỉ còn một trạm điều khiển 3 cân: sét, silic, sắt. Sự cố xảy ra gây nguy cơ lớn ảnh hưởng đến sản xuất của dây chuyền 2.</p> | | | |
| <p>Chạy song song 2 cân đá phụ gia cho máy nghiền xi măng số 4</p> | <p>Năm 2018 Công ty triển khai sản xuất sản phẩm “Cem II/B-L 32.5N” xuất khẩu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm này có thể sản xuất trên máy NXM 5, 6 tuy nhiên NXM 5, 6 chỉ sản xuất 2 sản phẩm PCB40 và PC40 (Chỉ có 2 silo chứa) vì vậy phải sản xuất trên máy 4 đồ silo hệ cũ. - Đặc điểm hệ thống máy NXM số 4: Hệ thống máy nghiền số 4 có 02 Silo để chứa phụ gia: <ul style="list-style-type: none"> + Silo số 3 chứa hỗn hợp đá vôi sạch/đá đen sử dụng sản xuất PCB40CN. + Silo số 5 chứa hỗn hợp phụ gia (Bazan, Sét đen, đá đen, đá sạch) chủ yếu để sản xuất PCB30 rời. - Khi chạy máy 4 thì chỉ chạy được một cân cấp phụ gia (Chạy cân Silo 3 thì cân Silo 5 dừng hoặc ngược lại). + Nếu chạy một mình cân Silo 3 thì chỉ chạy tối đa được 27% phụ gia, nếu nhiều hơn thì sẽ vi phạm chỉ tiêu MKN > 12%. + Nếu chạy một mình cân Silo 5 thì cũng chỉ chạy tối đa được 27% phụ gia, nếu nhiều hơn thì sẽ vi phạm chỉ tiêu CKT > 22% | <p>Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy song song 02 cân phụ gia này. Lúc đó có thể pha phụ gia đạt mức 35% (dải cho phép từ 21 - 35% phụ gia). - Ở mức pha 35% hỗn hợp phụ gia: <ul style="list-style-type: none"> + Chỉ tiêu CKT trong xi măng đạt max: 13,96 % + Chỉ tiêu MKN trong xi măng đạt max: 9,70 % <p>Đáp ứng chỉ tiêu đơn hàng xuất khẩu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn Si lô số 5 hệ cũ thích hợp để chứa sản phẩm xi măng Cem II/B-L 32.5N để có thể xuất rời hoặc đóng bao mà không ảnh hưởng đến các dòng sản phẩm khác của Công ty. <p>Kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng sản xuất sản phẩm Cem II/B-L 32.5N xuất khẩu theo yêu cầu. - Chủ động trong quá trình sản xuất, tăng thêm phân khúc xuất khẩu, nâng cao uy tín sản phẩm xi măng Bim Sơn trên thị trường trong nước và Quốc tế. | <p>T08/2018</p> | <p>388.000.000</p> |

| Tên SK | Tình trạng trước khi thực hiện SK | Tình trạng sau khi thực hiện | Thời gian và phạm vi áp dụng | Tiền làm lợi tính được (đ/năm) |
|--|---|--|------------------------------|--------------------------------|
| <p>Sửa đổi hệ thống điều khiển tuyến băng tải 216 và 196 công trình 15</p> | <p>Tuyến băng tải 196m (động cơ 75kW) và băng tải 216m (động cơ 75kW) với công suất thiết kế 500 tấn/h. Hiện tại tuyến băng tải này chủ yếu tải đá vôi vào két chứa cấp cho máy nghiền liệu 2 từ trạm định lượng dây chuyền 3 và tải thạch cao, đá vôi sạch sau máy đập búa CMД – 97A thuộc CT15.</p> <p>- Với lượng đá vôi cấp cho máy nghiền liệu 2 khoảng 76%*310 t/h = 235,6 t/h và công suất tuyến băng tải 196, 216 là 500 tấn/h. Như vậy, thời gian chạy có tải của tuyến băng tải 216 và 196 khoảng $235,6/500 = 0,47$ (47%) so với thời gian chạy máy nghiền liệu 2, còn lại khoảng 53% là chạy không tải.</p> <p>- Qua theo dõi thực tế thì tuyến băng tải này chạy có tải khoảng 30-40 phút thì cắt cấp liệu chạy không tải khoảng 40-50 phút.</p> <p>Nguyên nhân:</p> <p>+ Tuyến băng tải 196 và 216 cấp đá vôi cho dây chuyền 2, được thiết kế vận hành trên máy tính vận hành phòng vận hành CT15. Tuy nhiên trong ca trực chỉ có 01 thợ vận hành và trực tại chỗ các băng tải này và khoảng cách từ phòng vận hành xuống vị trí trực tại chỗ khá xa (khoảng 500m). Do đó việc dừng/khởi động với chu kỳ khoảng 40 phút/lần là không phù hợp.</p> <p>+ Hai động cơ cho băng tải có công suất lớn 75kW, việc dừng/khởi động trực tiếp với chu kỳ khoảng 40 phút không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.</p> | <p>Giải pháp:</p> <p>Giữ nguyên các chế độ vận hành hiện có tại trạm vận hành CT15. Thiết kế lắp đặt thêm chế độ vận hành tự động từ xa (CCR) cho băng tải 196 và 216 kết nối qua trạm điều khiển PLC-LS2 (đưa băng tải 196 và 216 vào nhóm thiết bị cùng với băng tải 22-19 và lọc bụi 22-20). Như vậy việc chạy/dừng tuyến vận chuyển cấp đá vôi cho dây chuyền 2 được chủ động vận hành bởi Kỹ sư vận hành trung tâm Xưởng Bột liệu từ phòng điều khiển trung tâm (CCR).</p> <p>- Lắp đặt 02 tủ khởi động, cài đặt tham số đảm bảo kỹ thuật.</p> <p>- Sửa đổi chương trình điều khiển PLC S7-300, phần mềm giao diện HMI WinCC trạm điều khiển CT15.</p> <p>- Sửa đổi chương trình điều khiển PLC-Vseries (trạm LS2), phần mềm giao diện HMI TOSDIC-CE của TOSHIBA</p> <p>- Tiến hành đấu nối cấp điều khiển từ trạm điều khiển CT15 đến trạm PLC LS2; Lắp đặt, đấu nối hoàn thiện tủ khởi động mềm tại các trạm điện điều khiển băng tải 216 và 196.</p> <p>Kết quả:</p> <p>- Tiết kiệm điện năng tiêu thụ.</p> <p>- Giảm tiêu hao dầu mỡ bôi trơn/tăng thời gian sử dụng vật tư thiết bị.</p> | <p>T08/2018</p> | <p>239.70 2.803</p> |

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Công ty khai thác và sử dụng nước từ các giếng khoan hiện có. Lượng nước khai thác và sử dụng năm 2018 là 1.093.226 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động (lao động bình quân năm 2018): 1.521 người

Mức lương bình quân: 13,98 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN cho 100% người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 95h/người/năm

Trong đó:

+ Số giờ đào tạo trung bình cho cán bộ quản lý: 60h/ng/năm

+ Số giờ đào tạo trung bình cho chuyên viên, KTV: 90h/ng/năm

+ Số giờ đào tạo trung bình cho công nhân kỹ thuật: 115h/ng/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp, bao gồm:

+ Các khóa huấn luyện An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Các chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho chuyên viên, kỹ sư, kỹ thuật viên.

+ Các chương trình đào tạo lại, đào tạo mới, đào tạo nâng cao cho CNKT.

+ Các chương trình đào tạo dành cho cán bộ nguồn.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hiện nay, Công ty đang phụng dưỡng 14 Mẹ VNAH và 14 thân nhân liệt sỹ. Tổng chi phụng dưỡng năm 2018: 295 triệu đồng.

Vận động CB-CNLĐ ủng hộ 9 ngày lương sản phẩm với số tiền 6,8 tỷ đồng để làm tuyến đường tránh khu di tích lịch sử cách mạng ngã ba Đồng Lộc, làm tuyến đường tránh Nghĩa trang Quốc gia đường 9, xây dựng trường tiểu học huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam và ủng hộ Công ty cổ phần xi măng Miền trung.

Ngoài ra, Công ty còn vận động CB-CNLĐ tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân tương ái, quỹ vì người nghèo, quỹ chất độc da cam, quỹ khuyến học, ủng hộ đồng bào khắc phục hậu quả sau mưa lũ...và các hoạt động từ thiện khác. Năm 2018 tổng ủng hộ các quỹ từ thiện nhân đạo bằng tiền mặt là hơn 2,65 tỷ đồng và 1.180 tấn xi măng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Công ty đã nỗ lực vượt bậc, khắc phục những khó khăn để đạt được mục tiêu Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018 đã đề ra. Cụ thể:

Kết quả tiêu thụ sản phẩm (tấn):

| Chỉ tiêu | TH 2018 | KH 2018 | TH 2017 | % So sánh với | |
|-------------------------|------------------|------------------|------------------|---------------|-------------|
| | | | | KH 2018 | TH 2017 |
| Xi măng | 3.649.388 | 3.300.000 | 3.127.521 | 111% | 117% |
| Clinker | 727.870 | 700.000 | 860.624 | 104% | 85% |
| Tổng số tiêu thụ | 4.377.258 | 4.000.000 | 3.988.145 | 109% | 110% |

Kết quả hoạt động sản xuất (tấn):

| Chỉ tiêu | TH 2018 | KH 2018 | TH 2017 | % So sánh với | |
|---------------------|-----------|-----------|-----------|---------------|---------|
| | | | | KH 2018 | TH 2017 |
| Clinker sản xuất | 3.036.598 | 2.980.000 | 2.794.926 | 102% | 109% |
| Lò 2 | 1.232.699 | 1.195.000 | 996.575 | 103% | 124% |
| Lò 3 | 1.803.899 | 1.785.000 | 1.798.351 | 101% | 100% |
| XM bột tại NM | 3.205.528 | 2.850.000 | 2.533.941 | 112% | 127% |
| XM bột tại CN Q.Trị | 234.406 | 250.000 | 231.398 | 94% | 101% |

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của công ty khó khăn: Hệ thống ngân hàng tăng lãi suất làm cho chi phí sử dụng vốn của Công ty tăng cao. Nợ phải trả ngắn hạn tăng do Công ty không đủ nguồn vốn dài hạn để thanh toán cho Dự án nghiên xi măng đến đóng bao. Thiếu hụt nguồn vốn cũng làm cho nợ phải trả khách hàng quá hạn có chiều hướng gia tăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Phối hợp với E&Y xây dựng và hoàn thiện hệ thống thang bảng lương & KPI của Công ty.
- Điều chỉnh tạm thời cơ cấu tổ chức, CNNV các đơn vị đảm bảo sát với tình hình sản xuất hiện nay. Đặc biệt tổ chức lại mô hình sửa chữa, đồng thời bố trí lại đội ngũ cán bộ, KTV theo mô hình mới. Cụ thể, xưởng Sửa chữa là đơn vị dịch vụ sửa chữa, không phải đơn vị chủ trì công tác sửa chữa như trước đây.

- Xã hội hóa công tác bảo vệ xưởng Khai thác.

- Tổ chức lại công tác tiếp nhận, quản lý sử dụng vỏ bao tại xưởng Xi măng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2019 Công ty đặt ra các mục tiêu phấn đấu ở các lĩnh vực cụ thể như sau:

| | | |
|-----------------------|-----------|---------|
| Clinker sản xuất: | 3.100.000 | Tấn |
| Tiêu thụ sản phẩm: | 4.400.000 | Tấn |
| Trong đó: Xi măng: | 4.100.000 | Tấn |
| Clinker: | 300.000 | Tấn |
| Doanh thu thuần: | 4.005,440 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | 171,012 | Tỷ đồng |
| Dự kiến mức cổ tức: | | |

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2018 đang có sự chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP ước đạt 7,08%, cao hơn mục tiêu 6,07% và là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Vốn FDI thực hiện ước cả năm đạt 18 tỷ USD cao nhất từ trước đến nay.

Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2018 tăng trưởng cao hơn so với dự báo, trong đó tăng trưởng chủ yếu ở thị trường xuất khẩu.

Nguồn cung xi măng tiếp tục tăng, một số xi măng mới tham gia thị trường đưa ra nhiều chính sách hấp dẫn để lôi kéo khách hàng. Đặc biệt là chính sách cạnh tranh bằng giá thấp nên làm giảm mặt bằng giá xi măng trên thị trường.

Nguồn cung ứng than khó khăn, giá than tăng gần cuối năm 2018 đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá thành sản xuất.

Xu hướng dịch chuyển từ xi măng mác thấp sang mác cao, từ xi măng bao sang xi măng bê tông thương phẩm.

Trước hoàn cảnh đó, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt công tác SXKD của Công ty thông qua các chủ trương, giải pháp đồng bộ bằng những Nghị quyết cụ thể, linh hoạt đáp ứng được sự phát triển của Công ty.

Về tình hình sản xuất

Tăng cường công tác tuần tra thiết bị, bảo dưỡng phòng ngừa.

Kiểm soát chất lượng sửa chữa, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, tránh tình trạng dừng vật nhiều. Giao các chỉ số OEE từng công đoạn cho các đơn vị kiểm soát, trường hợp không đạt được mục tiêu phải có giải trình cụ thể để tìm ra nguyên nhân và hướng khắc phục.

Về tình hình đầu tư

Phối hợp, đôn đốc với các nhà thầu nhằm đưa dự án Nghiên xi măng đóng bao vào hoạt động đúng thời hạn (Thời gian hoàn thành chạy thử toàn bộ dự án trước ngày 31/5/2019)

Tạm dừng triển khai Dự án tận dụng nhiệt thừa để phát điện.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo nghị quyết các cuộc họp.

Năm 2018, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc điều hành đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Bim sơn, bám sát kế hoạch của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đưa kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019, tổng cung cả nước dự báo khoảng 100 triệu tấn. Trong đó dự báo nhu cầu nội địa khoảng 66 - 67 triệu tấn, xuất khẩu 20 - 25 triệu tấn.

Năm 2019, khu vực từ Thanh Hóa vào Nghệ An, Hà Tĩnh sẽ tiếp tục cuộc đua khốc liệt về tranh giành thị phần, giá tiêu thụ xi măng giữa các nhà sản xuất (xi măng Thành Thắng-Nghệ An ra sản phẩm. Xi măng Long Sơn xây dựng dây chuyền 3...).

Từ những thách thức nêu trên, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu như sau:

| | | |
|-----------------------|-----------|---------|
| Clinker sản xuất | 3.100.000 | Tấn |
| Tiêu thụ sản phẩm | 4.400.000 | Tấn |
| Trong đó: Xi măng | 4.100.000 | Tấn |
| Clinker | 300.000 | Tấn |
| Doanh thu thuần: | 4.005,440 | Tỷ đồng |
| Lợi nhuận trước thuế: | 171,012 | Tỷ đồng |

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành phần HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Tổng số CP | Nhà nước | Cá nhân |
|-----|-----------------|------------|------------|------------|---------|
| 1 | Lê Xuân Khôi | Chủ tịch | 26.827.871 | 26.827.871 | |
| 2 | Nguyễn Hoàn Vân | Thành viên | 13.447.320 | 13.410.000 | 37.320 |
| 3 | Ngô Sỹ Túc | Thành viên | 13.410.000 | 13.410.000 | 575 |
| 4 | Vũ Thế Hà | Thành viên | 13.410.000 | 13.410.000 | |
| 5 | Nguyễn Minh Đức | Thành viên | 13.410.000 | 13.410.000 | |

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Để triển khai triệt để và có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp theo định kỳ và ban hành các Nghị quyết của HĐQT. Cụ thể:

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp theo định kỳ và ban hành 14 Nghị quyết, quyết định.

c) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo, Ban kiểm soát tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Tên chương trình đào tạo | Thời lượng đào tạo | Đơn vị đào tạo |
|-----|-----------------------|----------------------------|---|--------------------|--|
| 1 | Lê Huy Quân | Kế toán trưởng | Bồi dưỡng Kế toán, Kiểm toán viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | 34 ngày | Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị |
| 2 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Trưởng Ban Kiểm soát | Bồi dưỡng Kế toán, Kiểm toán viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | 34 ngày | Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị |
| 3 | Lê Hữu Phăng | Trưởng Ban Kiểm soát | Đào tạo kiểm soát viên doanh nghiệp | 4 ngày | Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính |
| | | | Đào tạo kế toán quản trị doanh nghiệp | 3 ngày | Viện Công nghệ Xi măng Vicem |
| 4 | Nguyễn T. Thanh Hương | TV-Ban kiểm soát | Đào tạo kiểm soát viên doanh nghiệp | 4 ngày | Trường Bồi dưỡng cán bộ tài chính |
| 5 | Hà Văn Diên | TV-Ban Kiểm soát | Bồi dưỡng Kế toán, Kiểm toán viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | 34 ngày | Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị |
| 6 | Nguyễn Đức Sơn | TV-Ban Kiểm soát | Bồi dưỡng Kế toán, Kiểm toán viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | 34 ngày | Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị |
| 7 | Tào Thị Nga | TV-Ban Kiểm soát | Bồi dưỡng Kế toán, Kiểm toán viên và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ | 34 ngày | Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị |
| 8 | Nguyễn Chí Thức | Thư ký Công ty – Người phụ | Nâng cao nhận thức và năng lực về quản | 10 ngày | DA do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ, |

| STT | Họ và tên | Chức danh | Tên chương trình đào tạo | Thời lượng đào tạo | Đơn vị đào tạo |
|-----|-----------|------------------------|--|--------------------|--|
| | | trách quản trị Công ty | lý tiết kiệm năng lượng và hiệu quả năng lượng | | Bộ Công thương phối hợp với Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc tổ chức |

2. Ban kiểm soát

a) Thành phần Ban kiểm soát: Gồm 03 thành viên

| Họ và tên | Chức vụ | Tổng số CP | Nhà nước | Cá nhân |
|------------------------|------------------------|------------|----------|---------|
| Lê Hữu Phăng | Trưởng Ban Kiểm soát | 575 | | 575 |
| Tào Thị Nga | TV.BKS - TP.TCKT, XNTT | 575 | | 575 |
| Nguyễn Thị Thanh Hương | TV.BKS - CNQT | 575 | | 575 |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chương trình công tác năm 2018, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động như sau:

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty; Kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT và việc thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý và đề xuất một số nội dung trong quá trình soạn thảo và thực hiện các quy chế, nghị quyết của HĐQT và quy định của Công ty.

- Thường xuyên trao đổi, đánh giá kiểm điểm công việc thực hiện qua các buổi họp và thông qua hệ thống thông tin của Công ty.

- Giám sát, tham gia việc triển khai kế hoạch SXKD của Công ty.

- Giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật.

- Thẩm tra Báo cáo tài chính theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và kết thúc năm tài chính 2018.

- Giám sát thực hiện quy chế, quy trình, quy định về mua sắm, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào và thuê ngoài vận chuyển Clinker.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách với người lao động; việc thực hiện các nội quy, quy chế của công ty.

- Giám sát hoạt động bán hàng và công nợ phải thu.

- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập về việc soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kết thúc năm tài chính của Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc không là Thành viên Hội đồng quản trị thì hưởng lương, thưởng theo chế độ và quy định của Công ty.

Các Thành viên Hội đồng quản trị và các Thành viên của Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao mỗi tháng trong năm 2018, do Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể là:

ĐVT: đồng/người/tháng

| TT | Chức danh | Năm 2018 |
|-----------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 8.000.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 6.000.000 |
| 3 | Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký | 4.000.000 |

Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương theo quy chế hiện hành của Công ty

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị công ty:*

Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ theo các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị trong năm.

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: 16 - Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 23831.5100

Fax: (84.4) 23831.5090

Email:

Website: www.ey.com.vn

1. Ý kiến kiểm toán

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty (bao gồm: Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán) được đăng trên website: www.ximangbimson.com.vn

Bỉm Sơn, ngày 01 tháng 04 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC 




Nguyễn Hoàng Vân